TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2018
V/v Tranh chấp HNGĐ –Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hữu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Bé Hai;

2. Bà Lương Thị Kim Vân;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân gia đình – Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Bích T, sinh năm 1969.
Địa chỉ: tổ 1, ấp 2, xã BHT, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Bị đơn: Ông Trương Quang T, sinh năm 1961.
Địa chỉ: tổ 1, ấp 2, xã BHT, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
Tạm trú: ấp 4, xã Bình Hàng T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/01/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Bích T là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Bà T, ông T sống chung với nhau từ năm 1990 và không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Từ khi bà T sinh đứa con thứ 02 thì ông T thay đổi tính tình, bộc lộ tính gia trưởng. Bà T làm gì không vừa lòng thì ông T chửi mắng, nhục mạ bà T; Từ đó đời sống chung vợ, chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Thương các con nên bà T cố gắng nhẫn nhịn, khuyên nhủ nhưng ông T không thay đổi tính tình. Năm 2000, ông T cất 01 căn nhà nhỏ ở riêng trên đất của cha mẹ bà T và bà T, ông T sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, không ai có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tháng 11/2017, ông T về nhà cha mẹ ruột ở ấp 4, xã Bình Hàng T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng

Tháp sinh sống. Nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân không đạt được hạnh phúc nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Trương Quang T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trương Thị Hồng Nhung, sinh năm 1992 và Trương Thị Hồng Quyên, sinh ngày 18/2/2000. Hiện nay, 02 con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản hòa giải ngày 20/3/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Trương Quang T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông T, bà T sống chung từ năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung ông T, bà T phát sinh mâu thuẫn là có thật. Ông T cho rằng bà T có người đàn ông khác bên ngoài; Có lúc vợ chồng mâu thuẫn bà T có đánh ông T và có lần ông T báo UBND xã BHT đến giải quyết. Bà T viết cam kết tại Xã không đánh ông T. Từ tháng 11/2017 đến nay ông T về nhà mẹ ruột ở xã Bình Hàng T, huyện Cao Lãnh sinh sống. Sau khi ông T, bà T ly thân không ai có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay, ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trương Thị Hồng Nhung, sinh năm 1992 và Trương Thị Hồng Quyên, sinh ngày 18/2/2000. Hiện nay, 02 con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Bà Nguyễn Bích T có đơn yêu cầu được ly hôn với ông Trương Quang T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn"*.

Ông Trương Quang T là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: tổ 01, ấp 2, xã BHT, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: ấp 4, xã Bình Hàng T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Bà T và ông T thừa nhận sống chung từ năm 1990 và không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, bà T, ông T có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa

vụ giữa vợ và chồng. Đời sống chung giữa bà T và ông T phát sinh mâu thuẫn là có thật vì các đương sự thừa nhận. Bà T, ông T đã sống ly thân, sau khi ly thân không ai có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà T yêu cầu được ly hôn; Ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông T.

- **Về con chung**: Bà T và ông T có 02 con chung tên Trương Thị Hồng Nhung, sinh năm 1992 và Trương Thị Hồng Quyên, sinh ngày 18/2/2000. Hiện nay, 02 con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung**: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung**: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bà T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai số 04200 ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Bích T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Bích T và ông Trương Quang T là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà T và ông T có 02 con chung tên Trương Thị Hồng Nhung, sinh năm 1992 và Trương Thị Hồng Quyên, sinh ngày 18/2/2000. Hiện nay, 02 con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Bích T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai số 04200 ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Hữu Hà